

Số: 08/2024/QĐST-KDTM

N, ngày 10 tháng 06 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Bình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Dung

2. Bà Hoàng Thị Kim Phụng

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 02/2023/TLST-KDTM ngày 27/01/2023.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V; địa chỉ: số 89, L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: ông Ngô Chí D, chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Hoàng L, ông Đỗ Thành T, ông Phạm Tuấn A (văn bản ủy quyền số 58/2023/UQN-CTQT ngày 12/07/2023). Người đại diện theo ủy quyền lại: ông Lê Đức L, bà Trần Thị T, bà Phạm Thị H, bà Nguyễn Thị L (văn bản ủy quyền số 41/2023/UQ-VPB ngày 4/8/2023). Địa chỉ liên hệ: tầng 7, tòa nhà V, số 78, D, C, Hà Nội.

Bị đơn: Công ty CP C; địa chỉ: số 494, đường N, phố Đ, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thu H, chức vụ: Giám đốc

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

+ Công ty CP T; địa chỉ: số 13, tổ N, phường Q, quận H, thành phố Hải Phòng. Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Văn T, chức vụ: Giám đốc.

+ Công ty TNHH T; địa chỉ: số 2/512, N, V, L, Hải Phòng. Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Văn T, chức vụ: Giám đốc.

+ Nhà máy b; địa chỉ: khu công nghiệp T, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Trần Ngọc D, chức vụ: Giám đốc

+ Công ty CP Chế tạo máy N; địa chỉ: phố P, phường B, thành phố N, tỉnh

Ninh Bình; người đại diện theo pháp luật: bà Trần Thị H - Chủ tịch HĐQT

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Tính đến ngày 10/06/2024, Công ty CP C còn nợ Ngân hàng TMCP V theo Hợp đồng tín dụng 090419/HĐHM/VPB-Quang Trung ngày 17/04/2019 và Hợp đồng tín dụng số 2021/HĐCV-VPB-QT ngày 25/01/2021 và các khế ước nhận nợ kèm theo tổng số tiền là: **83.618.073.280 đồng** (Tám mươi ba tỷ, sáu trăm mười tám triệu, không trăm bảy mươi ba nghìn, hai trăm tám mươi đồng). Trong đó: nợ gốc là 50.771.548.580 đồng, Nợ lãi là 32.846.524.700 đồng.

Ngân hàng TMCP V đồng ý cho Công ty CP C phải thanh toán số tiền **60.771.548.580 đồng** (Sáu mươi tỷ, bảy trăm bảy mươi một triệu, năm trăm bốn mươi tám nghìn, năm trăm tám mươi đồng); trong đó nợ gốc là 50.771.548.580 đồng, nợ lãi là 10.000.000.000 đồng và miễn giảm lãi toàn bộ nợ lãi còn lại của khoản vay để tất toán khoản vay tại Ngân hàng TMCP V.

2.2. Kế hoạch trả nợ của Công ty CP C cho Ngân hàng TMCP V như sau:

- Chậm nhất ngày 25/06/2024 Công ty CP C trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền **3.000.000.000 đồng** (Ba tỷ đồng)

- Chậm nhất ngày 25/09/2024 Công ty CP C trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền **15.000.000.000 đồng** (Mười lăm tỷ đồng)

- Chậm nhất ngày 25/12/2024 Công ty CP C trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền **20.000.000.000 đồng** (Hai mươi tỷ đồng)

- Chậm nhất ngày 25/03/2025 Công ty CP C trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền **12.771.548.580 đồng** (Mười hai tỷ, bảy trăm bảy mươi một triệu, năm trăm bốn mươi tám nghìn, năm trăm tám mươi đồng)

- Chậm nhất ngày 25/06/2025 Công ty CP C trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền **10.000.000.000 đồng** (Mười tỷ đồng)

2.3. Trường hợp Công ty CP C vi phạm một trong các kỳ hạn trả nợ nêu trên thì việc miễn giảm lãi không có giá trị thực hiện và phía Ngân hàng TMCP V, yêu cầu Cơ quan thi hành án buộc Công ty CP C phải thanh toán toàn bộ số tiền còn lại trên tổng số nợ tính đến ngày 10/06/2024 là **83.618.073.280 đồng** (Trong đó: nợ gốc là 50,771,548,580 đồng, nợ lãi là 32,846,524,700 đồng).

Kể từ ngày 11/06/2024 Công ty CP C còn phải chịu các khoản nợ lãi, lãi chậm trả phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ kèm theo nêu trên đến ngày thực tế thanh toán hết khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V.

Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm là:

- 01 cầu trục chân đế kiểu mở cò, sản xuất năm 2019 tại Việt Nam, mã hiệu CTMC.35-10,5-30-40Q, thế chấp tại VPBank theo Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị số 1204/HĐTC/MMTB/VPB-QUANGTRUNG ngày 19/4/2019;

- 01 cần trục chân đế, sản xuất năm 2018 tại Việt Nam, mã hiệu CTCP-CCD-45-10.5-50/10T, thế chấp tại VPBank theo Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị số 020519/HĐTC/VPB-QUANGTRUNG ngày 03/5/2019;

- Toàn bộ hàng hóa, thiết bị được mua sắm, chế tạo, lắp đặt... chi tiết tại Báo cáo tiến độ thực hiện hợp đồng số 2169/VB-XDQT ngày 26/11/2020 và Báo cáo tiến độ thực hiện hợp đồng số 2155/VB-XDQT ngày 26/11/2020 của Công ty CP C đang đặt tại kho bãi của Công ty Chế tạo Máy N, có địa chỉ tại: số 68 T, phố P, phường B, thành phố N, tỉnh Ninh Bình và Biên bản xem xét thẩm định tài sản của Tòa án nhân dân thành phố N ngày 26/12/2023;

- Toàn bộ hàng hóa của Công ty CP C đã mua sắm theo Hợp đồng kinh tế số 026/2020/HĐKT/QT-HN giữa Công ty CP C và Công ty cổ phần thép và thương mại Hà Nội đang đặt tại kho bãi của Công ty Chế tạo Máy N, có địa chỉ tại: số 68 T, phố P, phường B, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

- Toàn bộ hàng hóa hay hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty CP C theo các Hợp đồng bảo đảm số 250419/HĐTC/VPB-QUANG TRUNG ngày 26/4/2019, Hợp đồng bảo đảm số 060519/HĐTC/VPB-QUANG TRUNG ngày 06/5/2019 và Hợp đồng bảo đảm số 2021/HĐTC/VPB-QUANGTRUNG ngày 25/01/2021;

- Yêu cầu Cơ quan thi hành án có quyền yêu cầu kê biên, phát mại tài sản khác thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Công ty CP C để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V.

2.4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí:

- Ngân hàng TMCP V không phải nộp tiền án phí, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **89.200.000 đồng** (*Tám mươi chín triệu, hai trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0001010 ngày 18/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N.

- Công ty CP C phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là **168.771.548 đồng** (*Một trăm sáu mươi tám triệu bảy trăm bảy mươi một nghìn năm trăm bốn mươi tám đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND thành phố N;
- THADS thành phố N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Ngọc Bình

Số: 06/2024/QĐ-SCBSQĐ

Tp, N, ngày 21 tháng 06 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA, BỔ SUNG QUYẾT ĐỊNH SƠ THẨM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N - TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ vào Điều 268 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Xét thấy quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 08/2024/QĐST-KDTM ngày 10 tháng 06 năm 2024 của Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V; địa chỉ: số 89, L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: ông Ngô Chí D, chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Hoàng L, ông Đỗ Thành T, ông Phạm Tuấn A (văn bản ủy quyền số 58/2023/UQN-CTQT ngày 12/07/2023). Người đại diện theo ủy quyền lại: ông Lê Đức L, bà Trần Thị T, bà Phạm Thị H, bà Nguyễn Thị L (văn bản ủy quyền số 41/2023/UQ-VPB ngày 4/8/2023). Địa chỉ liên hệ: tầng 7, tòa nhà V, số 78, D, C, Hà Nội.

Bị đơn: Công ty CP C; địa chỉ: số 494, đường N, phố Đ, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thu H, chức vụ: Giám đốc

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

+ Công ty CP T; địa chỉ: số 13, tổ N, phường Q, quận H, thành phố Hải Phòng. Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Văn T, chức vụ: Giám đốc.

+ Công ty TNHH T; địa chỉ: số 2/512, N, V, L, Hải Phòng. Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Văn T, chức vụ: Giám đốc.

+ Nhà máy b; địa chỉ: khu công nghiệp T, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Trần Ngọc D, chức vụ: Giám đốc

+ Công ty CP Chế tạo máy N; địa chỉ: phố P, phường B, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; người đại diện theo pháp luật: bà Trần Thị H - Chủ tịch HĐQT

Có lỗi rõ ràng do tính toán sai về phần án phí.

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa chữa, bổ sung quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 08/2024/QĐST-KDTM ngày 10 tháng 06 năm 2024 của Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình như sau:

1. Về nội dung:

- Tại dòng thứ 4, 5, 6 từ trên xuống trang 4 đã ghi: Công ty CP C phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là **168.771.548 đồng** (*Một trăm sáu mươi tám triệu bảy trăm bảy mươi một nghìn năm trăm bốn mươi tám đồng*)”.

- Nay sửa chữa, bổ sung như sau: Công ty CP C phải nộp số tiền án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm là **191.618.073 đồng** (*Một trăm chín mươi một triệu, sáu trăm mười tám nghìn, không trăm bảy mươi ba đồng*).

2. Vậy, Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình thông báo cho các đương sự và các cơ quan hữu quan được biết.

Nơi gửi:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND thành phố N;
- Chi cục THADS thành phố N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Bình